# HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG Cơ sở tại thành phố Hồ Chí Minh

-----



# ĐỀ TÀI

## AN TOÀN MẠNG

## Chủ đề: THIẾT LẬP FIREWALL TOPOLOGY CHO MẠNG DOANH NGHIỆP

Giảng viên: Đàm Minh Lịnh

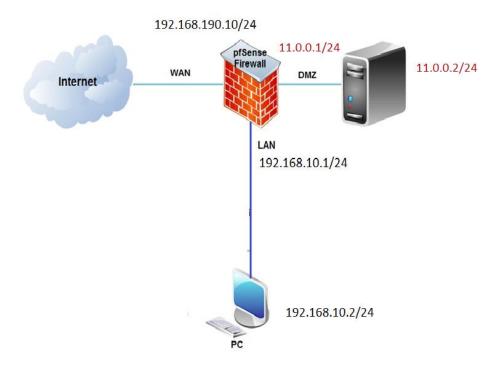
Sinh viên thực hiện: Trần Ngô Gia Tự – N20DCAT055

Ngô Huỳnh Vĩnh Phú – N20DCAT043

Lóp: D20CQAT01-N

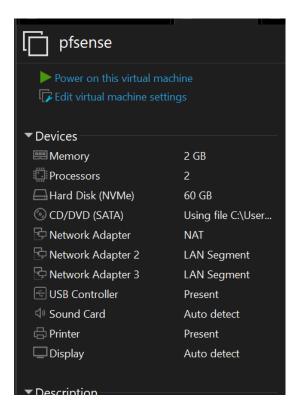
TP. HÒ CHÍ MINH - 2023

# <u>I. Sơ đồ:</u>



# II. Sơ lược thiết bị:

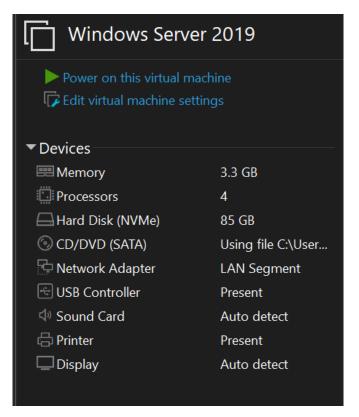
- Tường lửa pfsense:



- Máy LAN: hệ điều hành Win 10.



- Máy DMZ: hệ điều hành Window Server 2019.



## II. Các bước cấu hình:

- Cấu hình interface LAN trên pfsense:

```
Enter an option: 2

Available interfaces:

1 - WAN (em8 - dhcp, dhcp6)
2 - LAN (em1 - static)

Enter the number of the interface you wish to configure: 2

Configure IPv4 address LAN interface via DHCP? (y/n) n

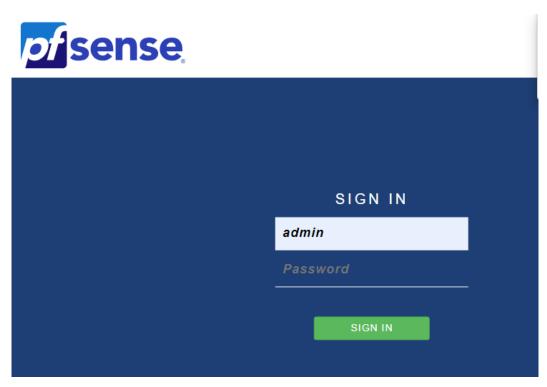
Enter the new LAN IPv4 address. Press <ENTER> for none:
> 192.168.18.1

Subnet masks are entered as bit counts (as in CIDR notation) in pfSense.
e.g. 255.255.8.8 = 24
255.255.8.8 = 16
255.8.8.8 = 8

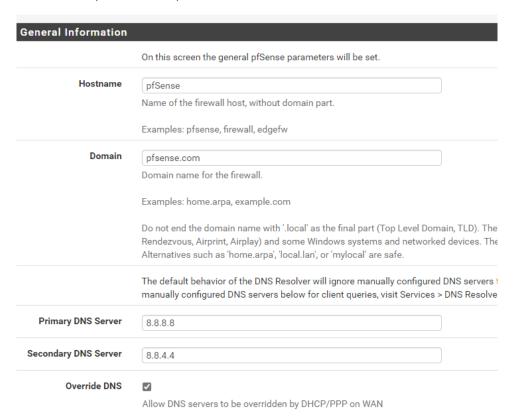
Enter the new LAN IPv4 subnet bit count (1 to 32):
> 24

For a WAN, enter the new LAN IPv4 upstream gateway address.
For a LAN, press <ENTER> for none:
> ■
```

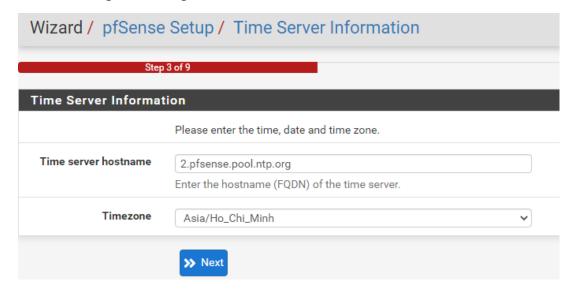
- Truy cập giao diện cấu hình dạng web của pfsense với tên đăng nhập: admin, password: pfsense.



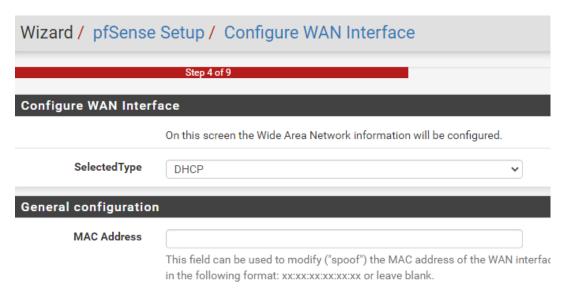
- Cấu hình domain, hostname, dns.



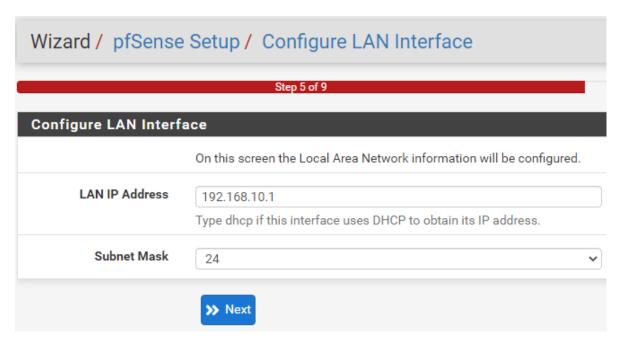
Cấu hình thời gian, múi giờ.



Cấu hình interface WAN.



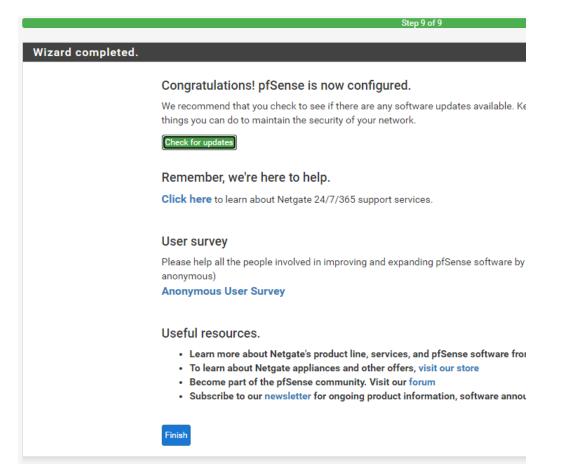
- Cấu hình interface LAN.



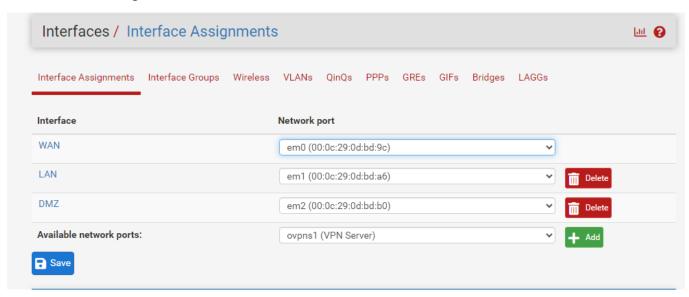
- Thiết lập lại mật khẩu admin.



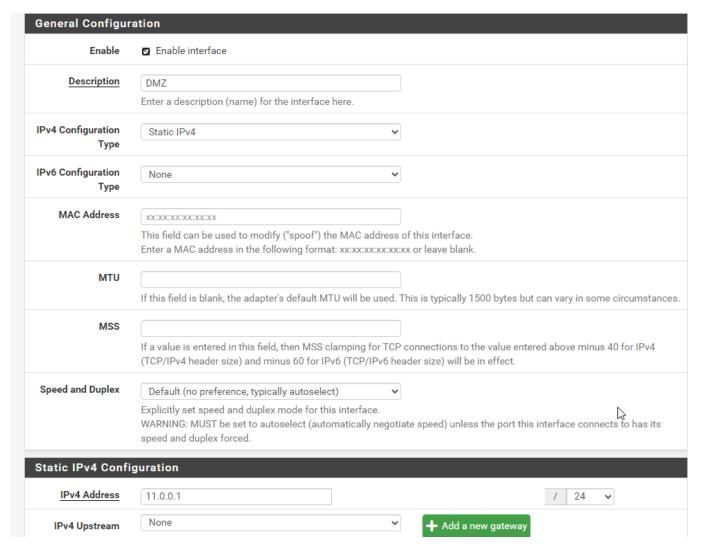
Click finish để hoàn thành thao tác.



- Thêm vùng DMZ.



Cấu hình chi tiết interface DMZ.



- DMZ sử dụng ip tĩnh.

```
Administrator: Command Prompt

Microsoft Windows [Version 10.0.17763.737]
(c) 2018 Microsoft Corporation. All rights reserved.

C:\Users\Administrator>ipconfig

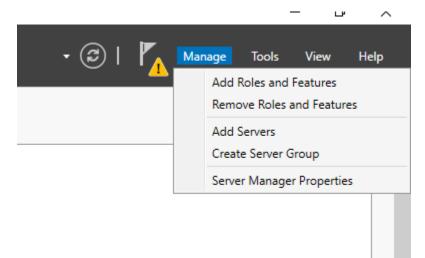
Windows IP Configuration

Ethernet adapter Ethernet0:

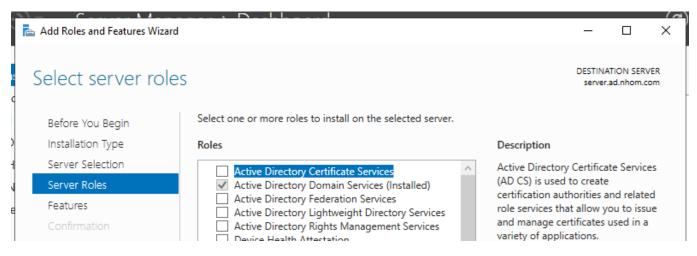
Connection-specific DNS Suffix :
Link-local IPv6 Address . . . : fe80::55ea:ed73:70ad:7c95%15
IPv4 Address . . . . : 11.0.0.2
Subnet Mask . . . . . . : 255.255.255.0
Default Gateway . . . . . : 11.0.0.1

C:\Users\Administrator>
```

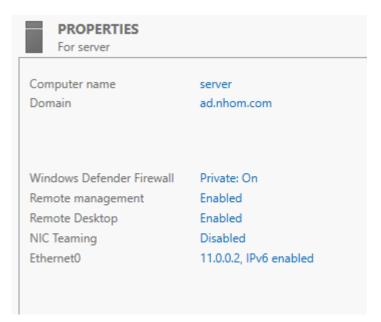
- Cấu hình lên AD cho DMZ.
  - + Chon Manage → Add Roles and Features.



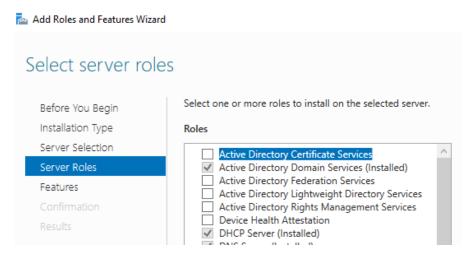
+ Chon dich vu Active Directory Certificate Services.



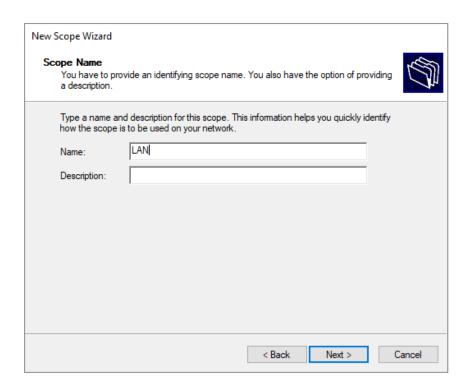
+ Máy DMZ đã lên domain sẵn.



Cài đặt dịch vụ DHCP cho máy DMZ.



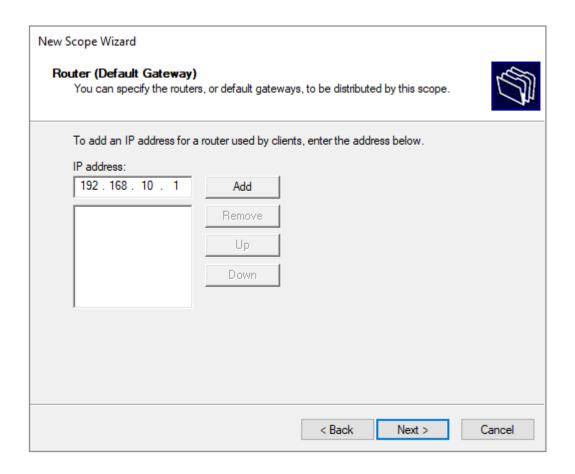
- Cấu hình chi tiết dịch vụ DHCP trên máy DMZ.
  - + Tạo Scope trên DHCP Server.



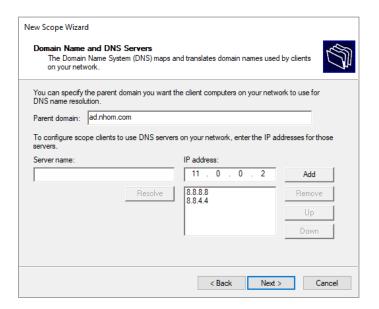
+ Cấu hình dải IP tĩnh.

ew Scope Wizard  IP Address Range  You define the scope	e address range by identifying a set of consecutive IP addresses.	
Configuration settings	for DHCP Server	
Enter the range of ad	dresses that the scope distributes.	
Start IP address:	192 . 168 . 10 . 2	
End IP address:	192 . 168 . 10 . 10	
-Configuration settings	that propagate to DHCP Client	
Length:	24	
Subnet mask:	255 . 255 . 255 . 0	
	< Back Next >	Cancel

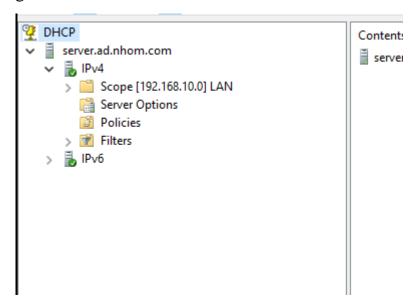
## + Cấu hình Default Gateway.



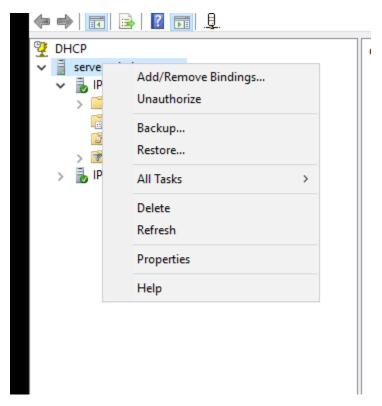
## + Cấu hình thêm DNS.



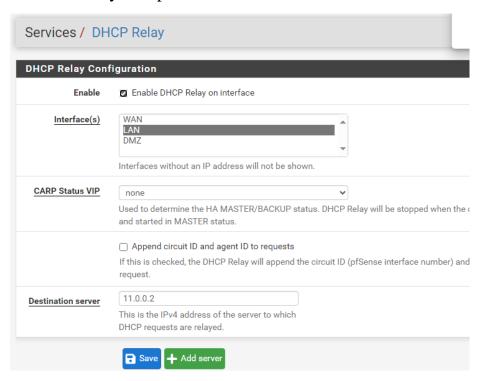
## + Tạo thành công.



# + Uỷ quyền DHCP Server.



- Cấu hình DHCP Relay trên pfsense.



Máy LAN đã có IP.

```
Microsoft Windows [Version 10.0.19045.3570]
(c) Microsoft Corporation. All rights reserved.

C:\Users\tranj>ipconfig
Windows IP Configuration

Ethernet adapter Ethernet0:

Connection-specific DNS Suffix : ad.nhom.com
Link-local IPv6 Address . . . : fe80::8a21:b8dc:c6f7:a831%5
IPv4 Address . . . . : 192.168.10.2
Subnet Mask . . . . . : 255.255.255.0
S Default Gateway . . . : 192.168.10.1

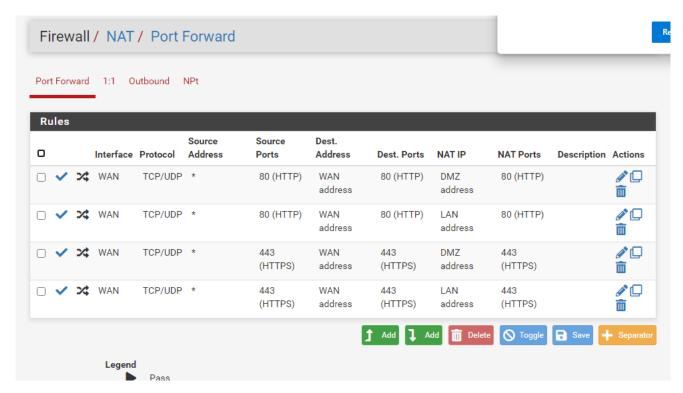
Ethernet adapter Bluetooth Network Connection:

Media State . . . . . . : Media disconnected
Connection-specific DNS Suffix ::

C:\Users\tranj>
```

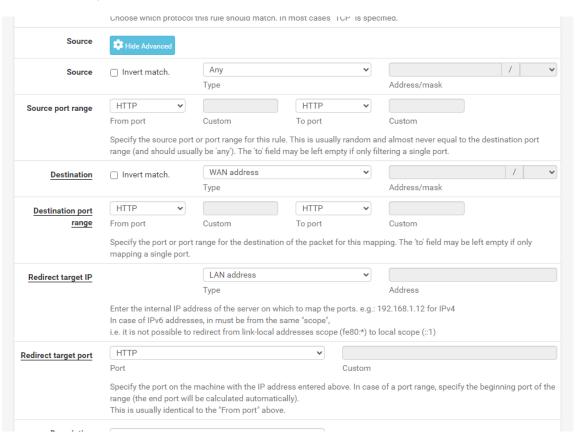
## IV. Cấu hình NAT.

### - Cấu hình NAT Port Forward.

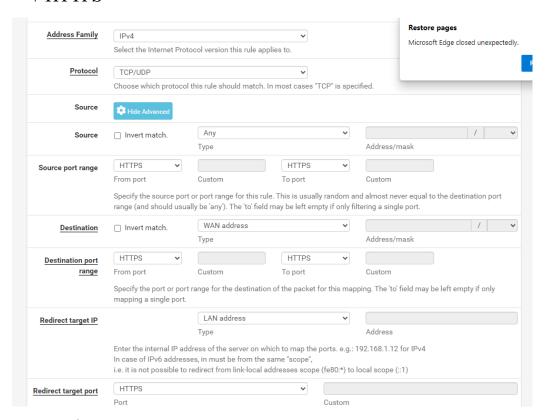


### - Cấu hình cho interface LAN.

#### + HTTP.

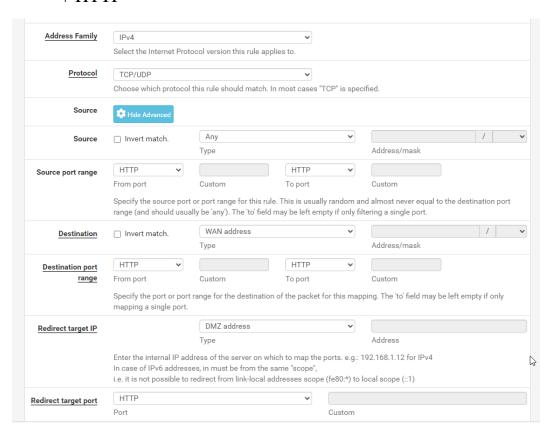


#### + HTTPS



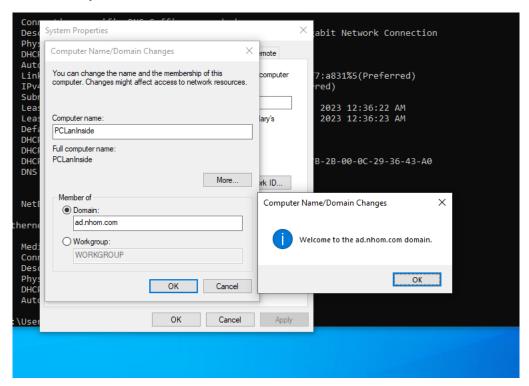
### Cấu hình NAT cho DMZ.

#### + HTTP

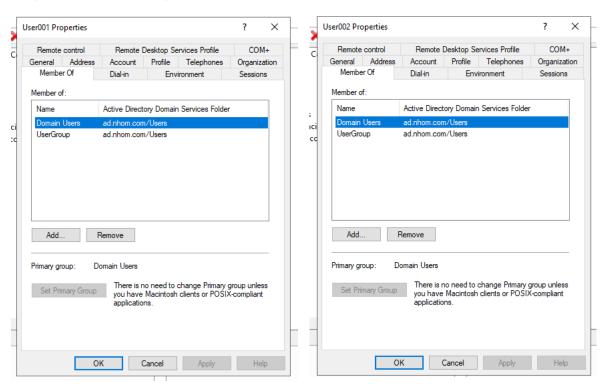


## V. Tạo user và join domain.

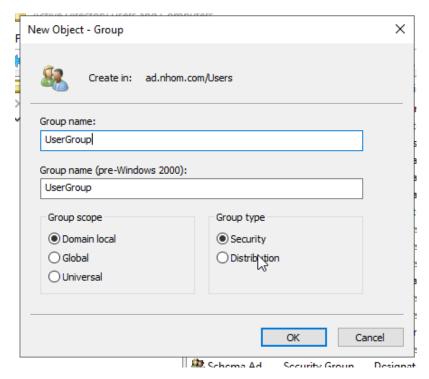
- Join domain cho máy LAN.



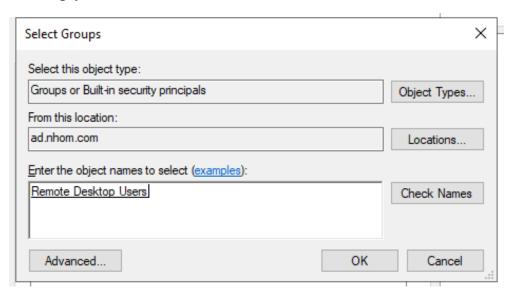
- Tạo hai user lần lượt User001 và User002.



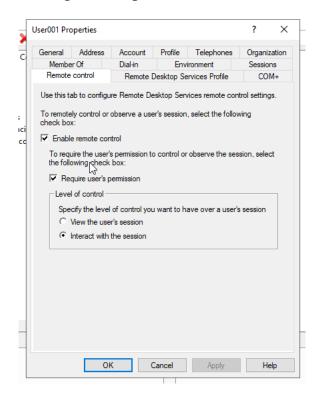
- Tạo group chứa các user.



- Gán quyền User control cho User001.



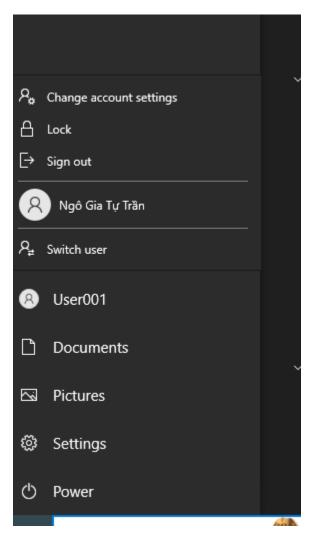
- Cho User001 gia nhập và tương tác với phiên.



- Đăng nhập Win 10 với user vừa mới khởi tạo.



- Đăng nhập thành công.



# VI. Remote từ máy LAN đến DMZ.

- Ping từ máy LAN đến DMZ.

```
Microsoft Windows [Version 10.0.19045.3570]
(c) Microsoft Corporation. All rights reserved.

C:\Users\User001>ping 11.0.0.2

Pinging 11.0.0.2 with 32 bytes of data:
Reply from 11.0.0.2: bytes=32 time=1ms TTL=127

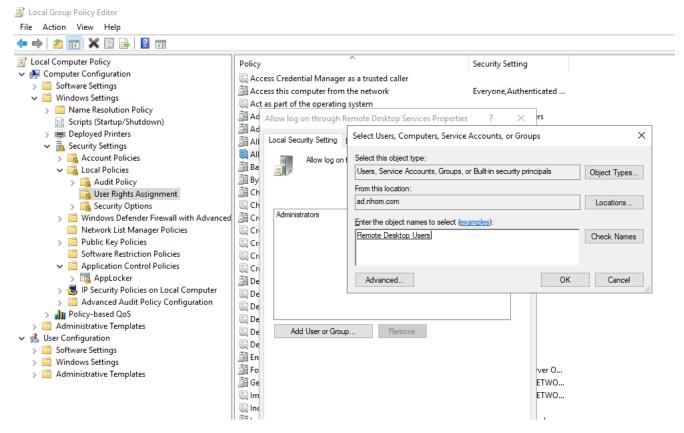
Ping statistics for 11.0.0.2:

Packets: Sent = 4, Received = 4, Lost = 0 (0%
Approximate round trip times in milli-seconds:

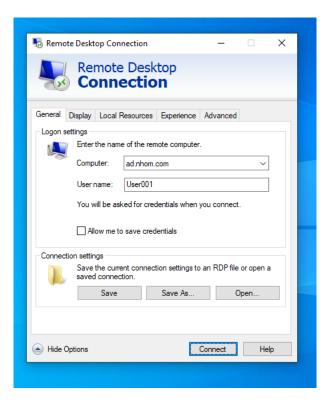
Minimum = 1ms, Maximum = 1ms, Average = 1ms

C:\Users\User001>_
```

- Remote đến của Window Server 2019.
- + Thiết lập lại quyền remote.



+ Remote từ User001.



+ Xác nhận kết nối.

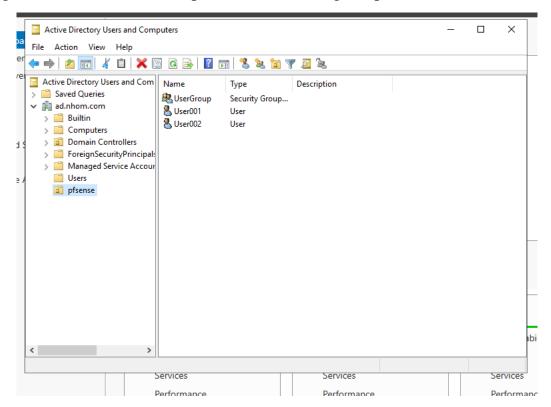


+ Remote thành công.

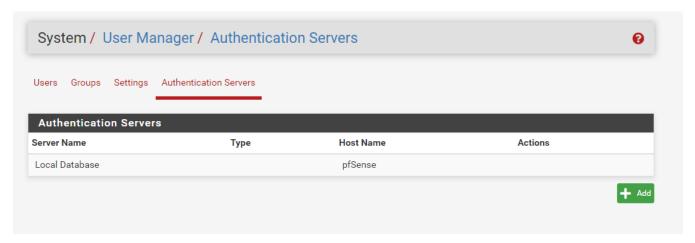


## VII. Triển khai dịch vụ OpenVPN và RDP từ máy vật lý vào máy LAN.

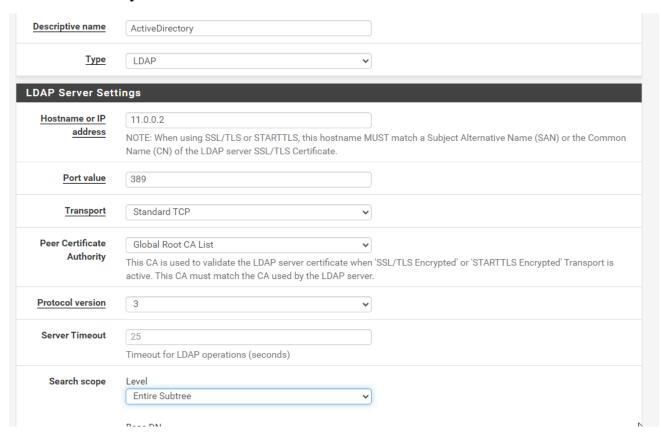
- Tạo Organization Unit cho Group lẫn hai User mang tên pfsense.



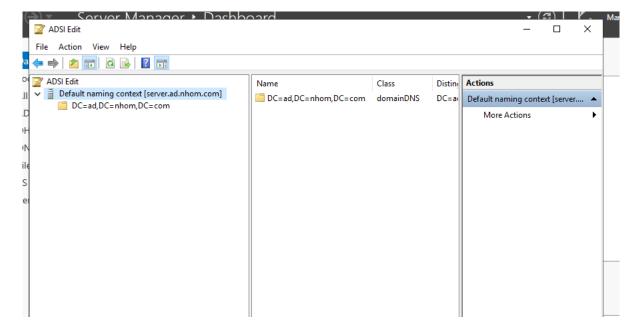
- Truy cập firewall pfsense tạo authentication server xác thực server DMZ.

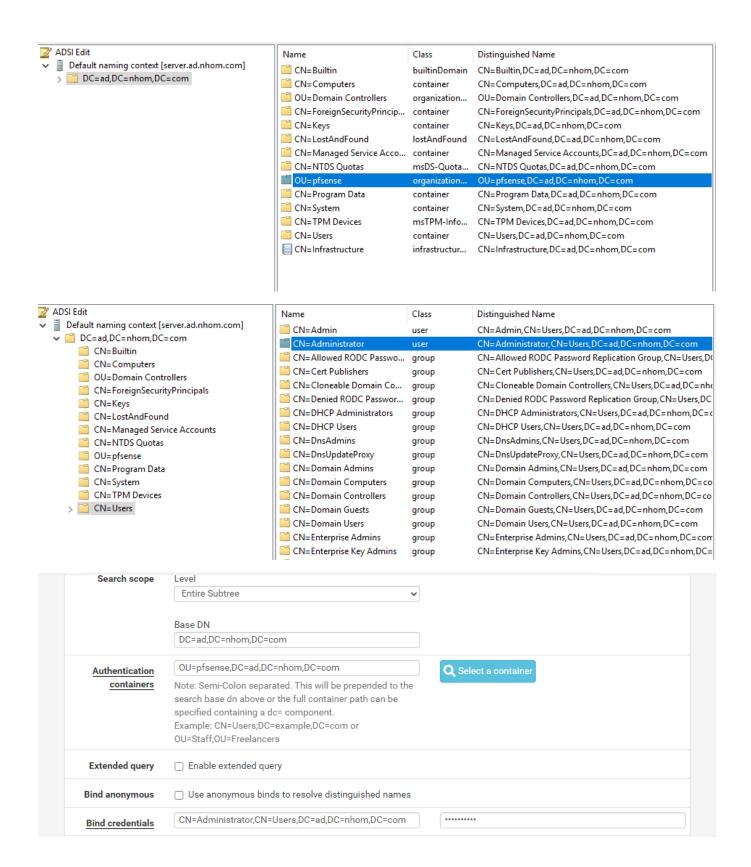


- Gán IP của máy Window Server.

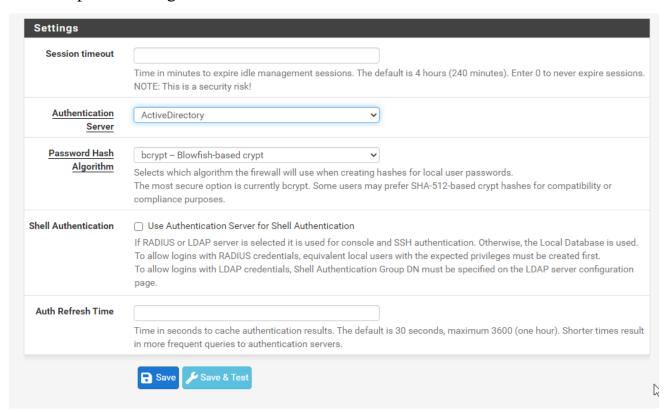


- Sử dụng công cụ ADSI để truy xuất thông tin Base DN, Authentication containers, Bind credentials.





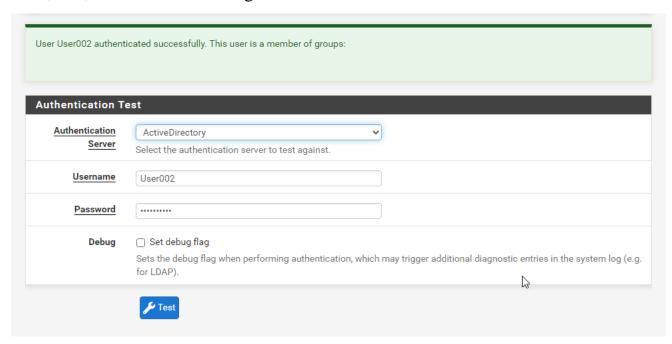
## - Thiết lập user manager.



## - Kết nối thành công.

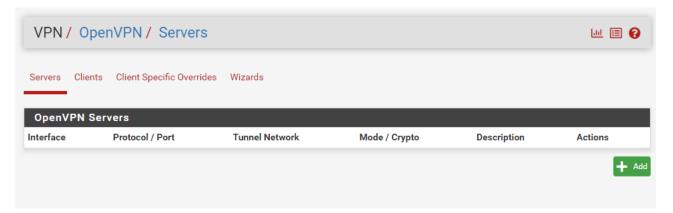


- Nhận diện User002 thành công.

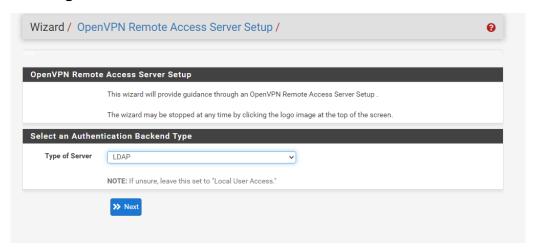


- Cấu hình dịch vụ OpenVPN.

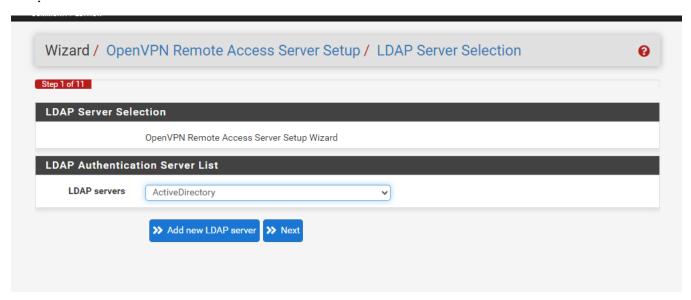
### Chon Wizard.



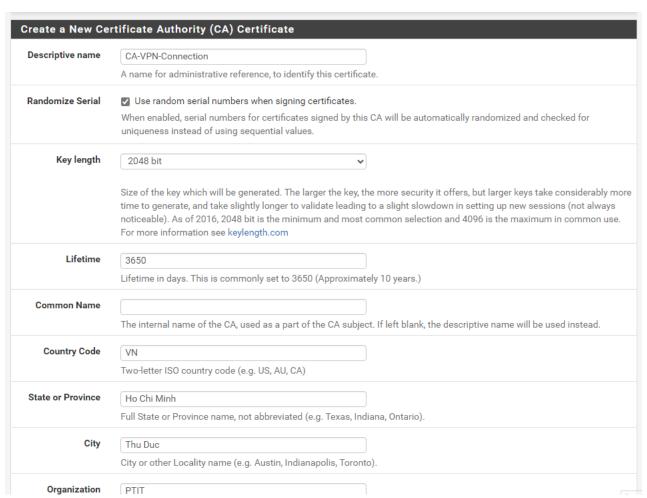
Bắt đầu tiến hành giai đoạn cấu hình.



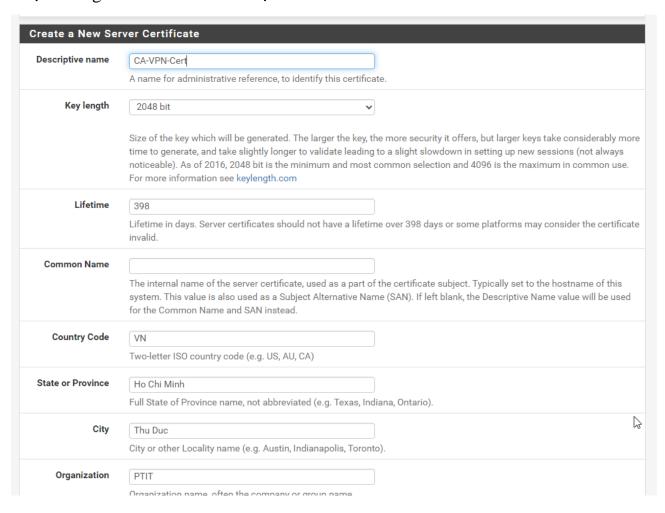
### - Đặt tên server LDAP.



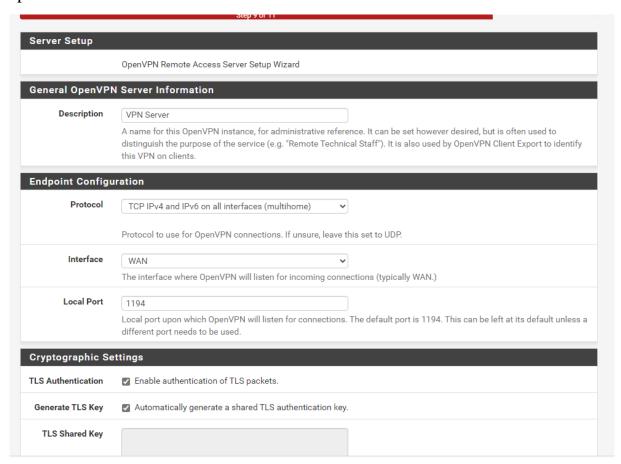
- Tạo chứng chỉ cho giao thức VPN.



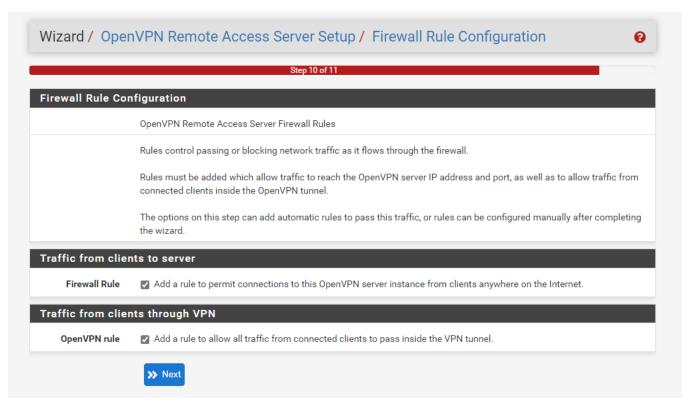
- Tạo chứng chỉ cho server xác thực.



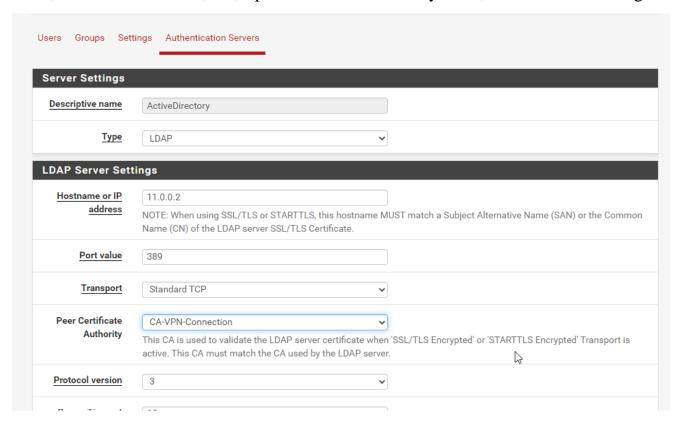
### - Setup VPN Server.



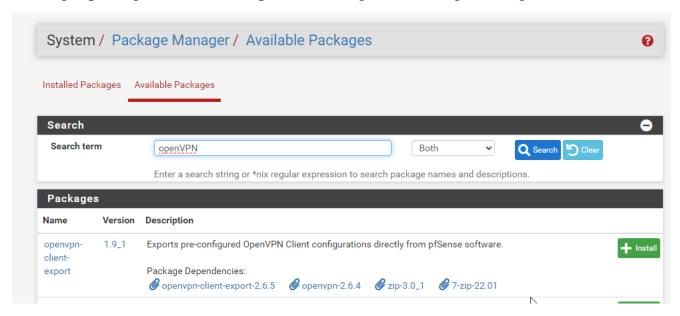
### - Cho phép các dòng lưu lượng qua OpenVPN.



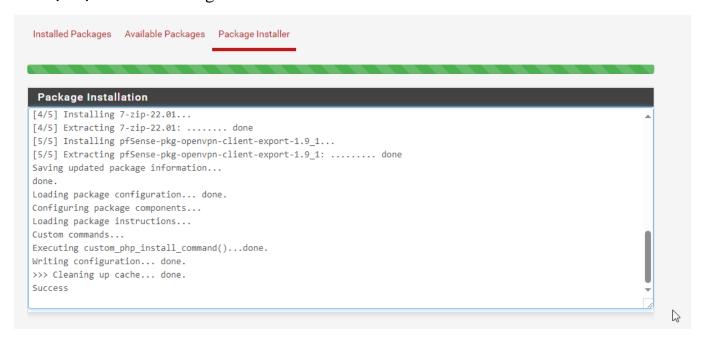
Trở lại với LDAP chỉnh lại mục peer certificate authority sau tạo LDAP Server xong.



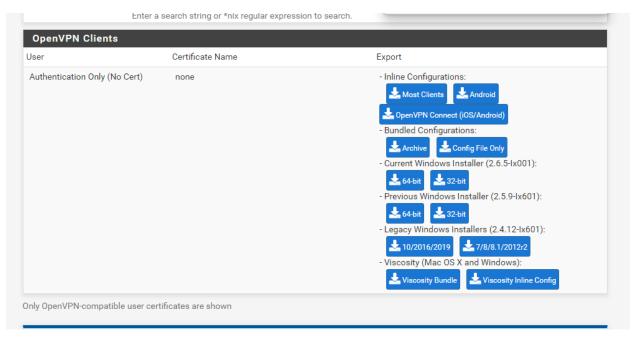
Thêm gói package tiện ích của OpenVPN trong mục Package Manager.



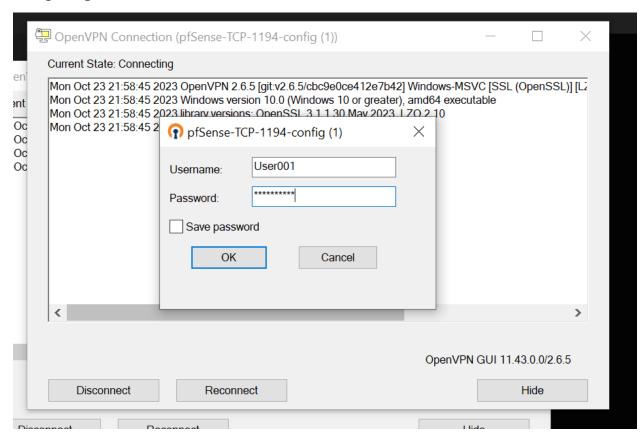
### Cài đặt tiện ích thành công.



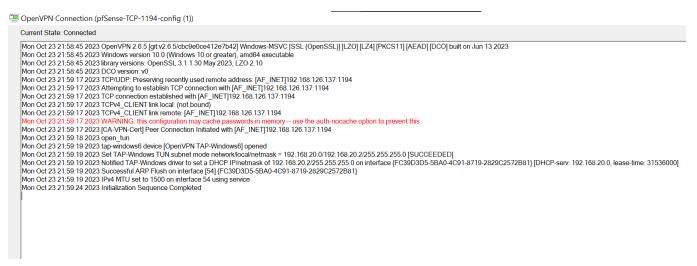
## Tải file thực thi ở mục Current Windows Installer.



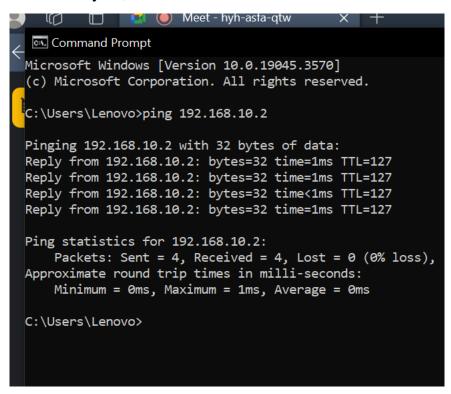
### Đăng nhập với tên User001.



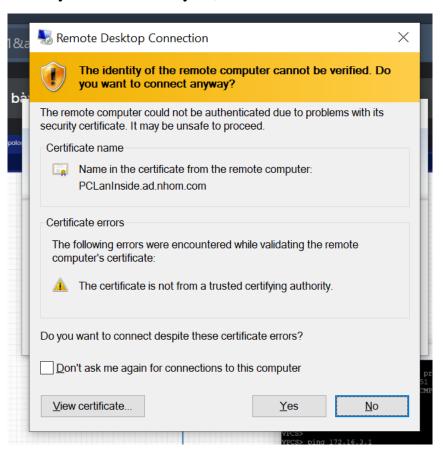
## - Kết nối thành công.



- Ping đến máy LAN từ máy thật.



Xác nhận để remote máy User001 từ máy thật.



- Remote thành công.

